

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 8 – 2019

V/v ly hôn giữa
chị D và anh P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bùi Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị D – Sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số 581, tổ 15, ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P – Sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Long Hòa 1, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-3-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị D trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu về tình cảm, năm 1997 chị và anh

Nguyễn Thanh P tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nh1 kết hôn số 12 ngày 02-8-2002. Vợ sống bình thường, năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do anh P không lo làm ăn, quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, năm 2014 mâu thuẫn trầm trọng hơn, vợ chồng cự cãi và nhiều lần anh P đánh chị, do không chịu đựng được nên từ năm 2014 đến nay vợ chồng ly thân, thời gian ly thân hai bên không gặp nhau hàn gắn, mà tháng 7-2019 anh P đến phòng trọ chị đang ở (9tinhr Long An) gây sự đánh chị. Nay chị không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị D1, sinh năm 1998 đã thành Nên có chồng và sống riêng, chị không có yêu cầu gì; Nguyễn Thanh N, sinh ngày 14-01-2011, chị D đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có

Theo chị D trình bày mâu thuẫn vợ chồng có cha dượng tên Nguyễn Hoàng H và cha mẹ chồng tên Nguyễn Văn H1, Lâm Thị M biết. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 22-4-2019 của Tòa án, ông Nguyễn Hoàng H cho biết ông là cha dượng của chị D (ông và mẹ ruột chị D tên Nguyễn Thị Q là vợ chồng chấp nói), sau khi chị D và anh P kết hôn chị D về sống bên chồng, năm 2011 vợ chồng đi làm công nhân ở huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, tại đây phát sinh mâu thuẫn do anh P không lo làm ăn, mà chơi cờ bạc, quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ khác, vợ chồng cự cãi và nhiều lần anh P đánh chị D, năm 2014 anh P đánh chị D nằm viện và ly thân từ năm 2014 đến nay, hai bên không gặp nhau hàn gắn. Ông nh1 thấy vợ chồng chị D không thể hàn gắn được, vì anh P không sửa đổi, ông đề nghị Tòa án cho chị D ly hôn anh P.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 25-6-2019 của Tòa án, ông Nguyễn Văn H1 cho biết ông là cha ruột của anh P, sau khi thành vợ chồng P và D đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông có nghe vợ chồng P nói lại là hai bên đã ly thân, do P có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, trước đây vợ chồng mâu thuẫn, nhiều lần ông hàn gắn và khuyên anh P nhưng anh không sửa đổi, nay D yêu cầu ly hôn với P tùy Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng anh Nguyễn Thanh P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh P chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về nội dung, chị D yêu cầu ly hôn anh P, do vợ chồng mâu thuẫn, nhiều lần anh P đánh chị và có thời gian dài ly thân; về nuôi con chung, từ lúc ly thân đến nay chị D nuôi cháu Nguyễn Thanh N có cuộc sống ổn định. Xét yêu cầu của chị D là có căn cứ, Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NH1 ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Chị Dương Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh P Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Thanh P (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P.

[3] Về nội dung:

[4] Hôn nhân của chị D và anh P là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng do anh P không quan tâm kinh tế gia đình, sống không chung thủy và có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng có thời gian dài ly thân từ năm 2014 đến nay và không gặp nhau hàn gắn, cha mẹ hai bên NH1 thấy anh chị mâu thuẫn và ly thân, ông H cha dượng chị D thấy rằng anh P không sửa đổi và đề nghị Tòa án cho ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của chị D và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp NH1 yêu cầu của chị D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị D và anh P.

[5] Về nuôi con chung: Đối với Nguyễn Thị D1 đã thành Nên và có chồng sống riêng, chị D không có yêu cầu gì, nên Tòa án không đề cập, đối với cháu Nguyễn Thanh N, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị D trực tiếp nuôi con có cuộc sống ổn định, cháu N cũng có nguyện vọng sống với chị D, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng là tự nguyện của chị. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp NH1 yêu cầu của chị D được tiếp tục nuôi cháu N, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình anh P được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[8] Về nợ chung: Ghi nH1 chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị D và anh Nguyễn Thanh P. Giấy chứng nH1 kết hôn số 12 ngày 02-8-2002 của Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 14-01-2011 cho chị Dương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị D đang nuôi. Anh Nguyễn Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Nguyễn Thanh P không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có

Về nợ chung: Ghi nH1 chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị D phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005656 ngày 11-4-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị Dương Thị D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh P vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nH1 được bản án hoặc bản án được Nêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nH1:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương
